

# PHÂN TÍCH ĐỐI CHIẾU ĐẠI TỪ TRONG CÁC BÀI PHÁT BIỂU CỦA HOA KỲ VÀ ẤN ĐỘ TẠI HỘI NGHỊ CÁC BÊN VỀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU CỦA LIÊN HỢP QUỐC

Đỗ Thị Phong Lan<sup>1</sup>

Email: phonglan@hou.edu.vn, ORCID: 0009-0000-7839-639X

Ngày tòa soạn nhận được bài báo: 15/03/2026. Ngày phản biện đánh giá: 15/05/2026.

Ngày bài báo được duyệt đăng: 01/06/2026

DOI: 10.59266/houjs.2026.1265

**Tóm tắt:** Bài viết khảo sát vai trò của đại từ nhân xưng (personal pronouns) như một nguồn lực ngôn ngữ kiến tạo ý nghĩa ý thức hệ (ideology) trong diễn ngôn biến đổi khí hậu. Ngữ liệu gồm 18 bài phát biểu của đại diện Hoa Kỳ và Ấn Độ tại các Hội nghị các Bên (Conference of the Parties - COP) thuộc Công ước khung của Liên Hợp Quốc về biến đổi khí hậu (United Nations Framework Convention on Climate Change - UNFCCC), trải dài chín kỳ COP từ COP20 đến COP28 (2014 -2023). Nghiên cứu kết hợp mô hình ba bình diện của Fairclough trong Phân tích diễn ngôn phê phán (Critical Discourse Analysis - CDA) với Ngữ pháp chức năng hệ thống (Systemic Functional Grammar - SFG) của Halliday. Các đại từ được nhận diện thủ công theo ngữ cảnh sử dụng, được xem xét theo chức năng bao gộp hoặc loại trừ (inclusive/exclusive), rồi đối chiếu bằng phân tích định tính. Kết quả cho thấy cả hai nước đều dùng đại từ we với tần suất cao nhất, qua đó đóng khung khí hậu như một vấn đề chung. Tuy vậy, cách tổ chức hệ thống đại từ xung quanh we lại khác nhau. Diễn ngôn Hoa Kỳ có tỷ lệ our cao hơn, gợi mở một diễn ngôn về sở hữu chung đối với vấn đề và giải pháp khí hậu. Diễn ngôn Ấn Độ dùng nhiều đại từ ngôi thứ ba hơn (they, their, them), thường gắn với danh ngữ chỉ nhóm nước, qua đó làm nổi sự phân hóa giữa nước phát triển và nước đang phát triển cùng nguyên tắc công bằng. Kết quả ủng hộ nhận định rằng lựa chọn đại từ là một cơ chế ngôn ngữ tham gia tái tạo các ý thức hệ khác nhau về trách nhiệm khí hậu.

**Từ khóa:** đại từ, diễn ngôn biến đổi khí hậu, phân tích diễn ngôn phê phán, ngữ pháp chức năng hệ thống, ý thức hệ, quan hệ quyền lực

## I. Đặt vấn đề

Ngôn ngữ tại các hội nghị khí hậu quốc tế không đơn thuần là truyền tin. Các Hội nghị các Bên (COP) của UNFCCC vừa là diễn đàn ngoại giao, vừa là không gian tranh luận về ý thức hệ, nơi đại diện

các quốc gia dùng ngôn ngữ để kiến tạo trách nhiệm, năng lực và quyền lợi của mình (Fairclough, 1995). Các bài phát biểu cấp cao tại COP vì thế là dữ liệu phù hợp để xem xét cách ngôn ngữ tham gia vào quá trình thương lượng quyền lực.

---

<sup>1</sup> Trường Đại học Mở Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

Trong số các nguồn lực ngôn ngữ, đại từ nhân xưng tuy là đơn vị nhỏ nhưng hàm chứa giá trị diễn ngôn rõ rệt. Một lựa chọn giữa *we* và *they* có thể bao gộp hoặc loại trừ, chia sẻ hoặc quy gán trách nhiệm, kéo gần hoặc đẩy xa người nói khỏi các chủ thể khác (Pennycook, 1994; Wilson, 1990). Trong nghiên cứu về báo chí, Van Dijk (1991) cho thấy sự đối lập giữa *we/us* và *they/them* tái tạo ranh giới trong nhóm và ngoài nhóm, đi cùng đó là quan hệ thống trị.

Bài viết tập trung vào hai chủ thể tiêu biểu gồm Hoa Kỳ đại diện cho nhóm nước phát triển và Ấn Độ đại diện cho nhóm nước đang phát triển. Hai nước ở hai phía của tranh luận về nguyên tắc “trách nhiệm chung nhưng có phân biệt” (common but differentiated responsibilities - CBDR), một nguyên tắc nền tảng của chế độ khí hậu quốc tế (Thaker & Leiserowitz, 2014). Vì vậy, diễn ngôn của họ là nơi thích hợp để so sánh cách đại từ mã hóa những quan niệm khác nhau về trách nhiệm.

Đã có nhiều nghiên cứu xem xét diễn ngôn khí hậu từ góc độ khung diễn ngôn, truyền thông hoặc CDA, đặc biệt trong diễn ngôn báo chí (Carvalho, 2007; Thaker & Leiserowitz, 2014). Tuy nhiên, số lượng nghiên cứu tập trung riêng vào đại từ nhân xưng trong các bài phát biểu chính thức tại COP còn hạn chế. Cụ thể hơn, chưa có nhiều công trình đối chiếu một cách hệ thống hệ thống đại từ giữa một nước phát triển và một nước đang phát triển trong giai đoạn COP20-COP28. Đây là khoảng trống mà bài viết hướng tới.

## II. Cơ sở lý thuyết

### 2.1. Đại từ trong diễn ngôn chính trị

Đại từ từ lâu thu hút sự chú ý trong phân tích ngôn ngữ chính trị, bởi nó đánh

dấu quan hệ xã hội và ranh giới nhóm. Wilson (1990) phân tích cách đại từ định vị người nói trong quan hệ với người nghe và đối thủ, còn Pennycook (1994) nhấn mạnh rằng việc lựa chọn đại từ luôn là một hành động mang tính chính trị, vì nó quyết định ai được bao hàm và ai bị loại trừ. Bello (2013) cho thấy chính khách thường thao tác đại từ để tạo tình đoàn kết, khẳng định thẩm quyền và phân định ranh giới giữa các bên.

Các nghiên cứu thực nghiệm cũng cố nhận định này. Bayram (2010) phân tích diễn văn chính trị và cho thấy ý thức hệ thấm thấu vào lựa chọn ngôn ngữ, trong đó đại từ là một chỉ dấu rõ. Bello (2013) chỉ ra rằng việc luân chuyển giữa *I*, *we* và *you* giúp người nói vừa khẳng định cá nhân, vừa dựng nên một cộng đồng cùng chia sẻ mục tiêu. Nhìn chung, các công trình này thống nhất ở một điểm: đại từ không trung lập, mà luôn định vị người nói trong một mạng lưới quan hệ quyền lực cụ thể.

### 2.2. Khung phân tích kết hợp CDA và SFG

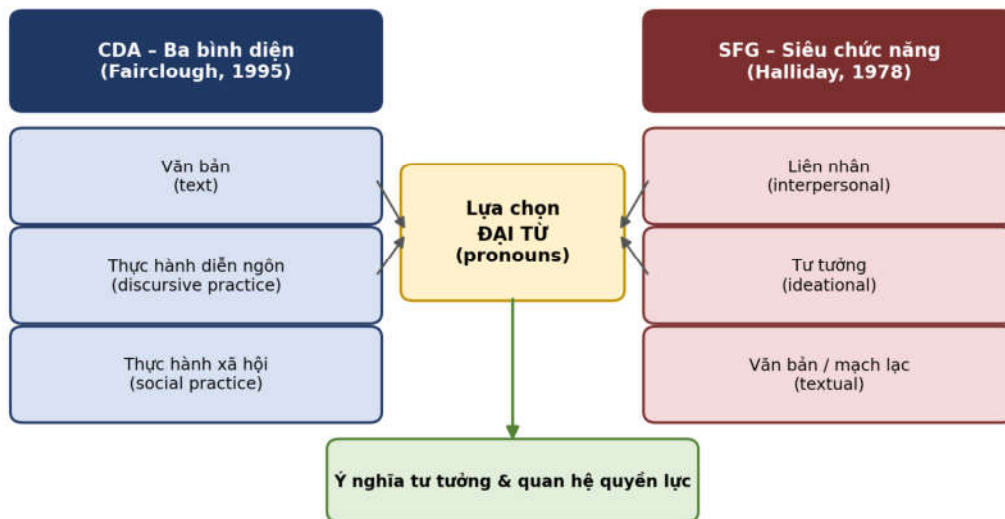
CDA theo hướng biện chứng và quan hệ của Fairclough (1989, 1995) xem xét diễn ngôn trên ba bình diện gắn kết nhau: văn bản (text), thực hành diễn ngôn (discursive practice) và thực hành xã hội (social practice). Đại từ thuộc bình diện văn bản, nhưng chỉ bộc lộ ý nghĩa khi được lý giải qua hai bình diện còn lại, tức là qua cách văn bản được tạo lập, lưu hành và tiếp nhận, cũng như qua bối cảnh quyền lực bao quanh nó (Wodak, 1995).

Trong hệ thống của Halliday (1978), đại từ tham gia trước hết vào siêu chức năng liên nhân (interpersonal metafunction), nơi quan hệ và lập trường

giữa các bên được thiết lập; đồng thời đại từ góp phần định hình vai trò tham thể (participant roles) trong siêu chức năng tư tưởng (ideational metafunction), tức là cách các chủ thể và hành động của họ được biểu đạt (Halliday & Matthiessen, 2014). Bài viết này tập trung vào một đơn vị ngôn ngữ là đại từ; do đó, SFG được vận dụng ở mức độ vừa phải, chủ yếu để soi tỏ chức năng liên nhân và vai trò tham thể của đại từ, chứ không triển khai đầy đủ các phạm trù như hệ chuyển tác (transitivity) hay

cấu trúc đề - thuyết (theme-rheme). Hình 1 tóm tắt khung phân tích.

Sự kết hợp này có lý do rõ ràng. CDA cung cấp khung lý giải ở cấp độ xã hội nhưng đôi khi bị phê phán là thiếu công cụ mô tả ngôn ngữ chặt chẽ; SFG bù đắp khoảng trống đó bằng một hệ thống phạm trù cụ thể. Khi đặt cạnh nhau, hai khung cho phép gắn các con số tần suất với ý nghĩa xã hội mà không tách rời mô tả ngôn ngữ khỏi bối cảnh (Wodak, 1995).



Hình 1. Khung phân tích kết hợp CDA và SFG cho lựa chọn đại từ (Nguồn: tác giả đề xuất)

### III. Phương pháp nghiên cứu

#### 3.1. Ngữ liệu

Ngữ liệu (corpus) gồm 18 bài phát biểu toàn văn, mỗi hội nghị hai bài, do đại diện chính thức của Hoa Kỳ và Ấn Độ trình bày tại chín kỳ COP, từ COP20 (2014) đến COP28 (2023). Văn bản được thu thập từ kho lưu trữ phát biểu cấp cao trên trang chính thức của UNFCCC, nơi công bố công khai các national statements theo từng hội nghị (UNFCCC, 2014-2023). Chỉ chọn bài bằng tiếng Anh để bảo đảm khả năng so sánh. Mỗi văn bản đều nói

trực tiếp về biến đổi khí hậu và được trình bày tại cơ quan ra quyết định cao nhất của công ước. Bảng 1 mô tả cấu thành ngữ liệu; thông tin chi tiết về từng phát biểu (người phát biểu, chức vụ, độ dài) được lưu trong phụ lục của công trình gốc làm nền cho bài viết. Việc chọn COP làm bối cảnh, thay vì các sự kiện khí hậu khác, xuất phát từ vị thế của COP như cơ quan ra quyết định cao nhất của UNFCCC; phát biểu tại đây mang tính chính thức, được chuẩn bị kỹ và phản ánh lập trường quốc gia, nên phù hợp để khảo sát ý thức hệ và quan hệ quyền lực.

Bảng 1. Cấu thành ngữ liệu nghiên cứu (COP20-COP28)

COP	Năm	Thành phố chủ nhà	Bài (Hoa Kỳ)	Bài (Ấn Độ)
COP20	2014	Lima	1	1
COP21	2015	Paris	1	1
COP22	2016	Marrakech	1	1
COP23	2017	Bonn	1	1
COP24	2018	Katowice	1	1
COP25	2019	Madrid	1	1
COP26	2021	Glasgow	1	1
COP27	2022	Sharm El-Sheikh	1	1
COP28	2023	Dubai	1	1
<b>Tổng</b>		9 hội nghị	9	9

(Năm 2020 không có kỳ COP do đại dịch; COP26 được tổ chức năm 2021.)

(Nguồn: tổng hợp từ UNFCCC)

### 3.2. Nhận diện và phân loại đại từ

Bảy dạng đại từ được nhận diện và đếm trong từng bài: *we, our, I, us, they, their, them*. Đây là các dạng có liên quan trực tiếp tới việc xây dựng bản sắc tập thể và ranh giới nhóm - ngoài nhóm, vốn là trọng tâm của câu hỏi nghiên cứu. Các dạng có tần suất thấp hoặc ít liên quan tới quan hệ nhóm trong thể loại phát biểu này, chẳng hạn *me, my, mine, ours, you, your* và các đại từ ngôi thứ ba số ít *he, she, it*, được loại khỏi phạm vi thống kê. Việc đếm được thực hiện thủ công, dựa trên ngữ cảnh sử dụng, nhằm tránh tính nhầm các trường hợp đồng âm khác chức năng. Với đại từ *we*, mỗi lần xuất hiện được xem xét theo chức năng bao gộp hay loại trừ dựa vào ngữ cảnh câu; các đoạn trích tiêu biểu được giữ lại để phân tích định tính.

### 3.3. Cách tính tần suất và xử lý số liệu

Số liệu tần suất được trích xuất và xử lý lại từ corpus của công trình gốc. Tần suất thô của từng đại từ được quy đổi thành tỷ lệ phần trăm trên tổng số đại từ của mỗi nước, để so sánh cấu trúc nội bộ của hệ thống đại từ giữa hai bên. Cần lưu ý rằng cách quy đổi này phản ánh tỷ trọng

tương đối giữa các đại từ, chứ không phải mật độ đại từ trên toàn văn bản; tần suất chuẩn hóa trên 1.000 từ (normalized frequency) sẽ là một bổ sung hữu ích và được nêu ở phần hạn chế. Để bảo đảm tính nhất quán, các con số tổng trong bài được tính lại trực tiếp từ số liệu theo từng kỳ COP (xem Bảng 3). Theo cách tính này, ngữ liệu chứa 1.560 lượt đại từ, trong đó bài của Hoa Kỳ có 821 lượt và bài của Ấn Độ có 739 lượt.

## IV. Kết quả nghiên cứu

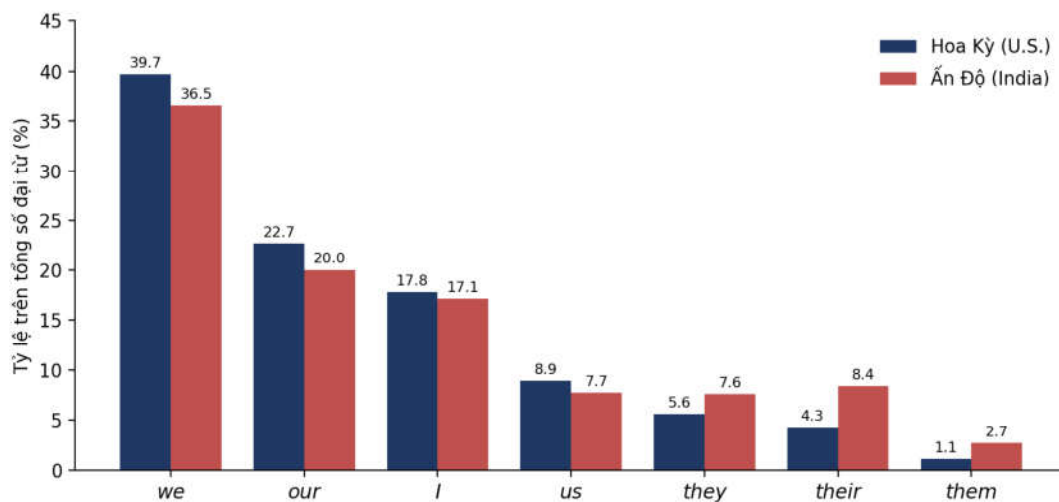
### 4.1. Phân bố chung

Bảng 2 trình bày phân bố tổng hợp của bảy đại từ theo từng nước, còn Hình 2 minh họa tỷ lệ tương ứng. Điểm chung rõ nhất là sự áp đảo của đại từ *we*. Đại từ này chiếm 39,7% tổng số đại từ trong bài của Hoa Kỳ và 36,5% trong bài của Ấn Độ, và là dạng có tần suất cao nhất ở cả hai. Mức tương đồng này cho thấy cả hai nước, dù ở vị thế phát triển khác nhau, đều có xu hướng đóng khung khí hậu như một vấn đề tập thể. Khác biệt giữa hai nước không nằm ở việc có viện dẫn tính tập thể hay không, mà ở cách tổ chức phần đại từ còn lại xung quanh tính tập thể đó.

Bảng 2. Phân bố tổng hợp các đại từ trong bài phát biểu của Hoa Kỳ và Ấn Độ (COP20-COP28)

Đại từ	Hoa Kỳ (lượt)	Hoa Kỳ (%)	Ấn Độ (lượt)	Ấn Độ (%)
we	326	39,7	270	36,5
our	186	22,7	148	20,0
I	146	17,8	126	17,1
us	73	8,9	57	7,7
they	46	5,6	56	7,6
their	35	4,3	62	8,4
them	9	1,1	20	2,7
<b>Tổng</b>	<b>821</b>	<b>100</b>	<b>739</b>	<b>100</b>

(Nguồn: tác giả tổng hợp)



Hình 2. Tỷ lệ các đại từ trong bài phát biểu của Hoa Kỳ và Ấn Độ

#### 4.2. “We” và “our”: Diễn ngôn về sở hữu chung

Trong bài của Hoa Kỳ, *we* thường đi cùng tần suất tương đối cao của đại từ sở hữu *our*. Đại từ *our* chiếm 22,7% số đại từ phía Hoa Kỳ, cao hơn mức 20,0% phía Ấn Độ. Trong ngữ liệu, các biểu thức tiêu biểu như *we must work together to tackle climate change* (Hoa Kỳ, COP24) hay *our nations must cooperate in the energy transition* (Hoa Kỳ, COP27) trình bày hành động khí hậu như một nhiệm vụ được chia sẻ giữa các quốc gia. Đại từ *our* mở rộng sang các đối tượng chung như hành tinh và tương lai, qua đó gợi mở một diễn ngôn về sở hữu chung đối với cả vấn đề lẫn giải pháp.

Xét từ CDA, chiến lược bao gộp này thực hiện một việc ý thức hệ kín đáo. Khi người nói hòa vào một *we* mang nghĩa cộng đồng quốc tế, trách nhiệm được trình bày như thể phân bổ đều cho tất cả, qua đó làm giảm mức độ hiển hiện của trách nhiệm lịch sử mà nhóm nước phát triển gánh chịu đối với lượng phát thải tích lũy. Cần thận trọng khi suy luận thêm về “vai trò dẫn dắt”: kết luận này không thể rút ra chỉ từ tần suất đại từ, mà cần xét tới động từ đi kèm, chủ thể hành động và nội dung phát biểu. Một số biểu thức trong ngữ liệu, chẳng hạn *we can lead the clean energy transition*, có gợi ý định hướng dẫn dắt, nhưng nhận định này cần được kiểm chứng thêm bằng phân tích hệ chuyên tác.

### 4.3. “They”, “their”, “them”: Diễn ngôn về sự phân hóa

Các bài phát biểu của Ấn Độ có cấu trúc khác. Tuy cũng dùng *we*, các văn bản này dùng nhiều hơn các dạng ngôi thứ ba *they*, *their* và *them*. Tính tổng, *their* chiếm 8,4% số đại từ phía Ấn Độ so với 4,3% phía Hoa Kỳ, còn *they* và *them* cũng cao hơn tương ứng. Các dạng này thường quy chiếu tới những nhóm xác định trong chế độ khí hậu, chủ yếu là nước phát triển, ngoài ra còn có nhóm dân cư dễ tổn thương và các bên liên quan khác.

Bên cạnh đó, văn bản Ấn Độ thường ghép quy chiếu đại từ với danh ngữ rõ ràng như *developed countries*, *developing nations* và *the global South* (Ấn Độ, COP22 và COP25). Trong những biểu thức như *developed countries must fulfil their commitments*, đại từ sở hữu *their* không chỉ quy chiếu mà còn quy gán nghĩa vụ cho một nhóm có ranh giới rõ ràng, qua đó làm nổi nguyên tắc trách nhiệm có phân biệt. Như vậy, nếu diễn ngôn Hoa Kỳ thiên về hòa nhập các chủ thể bằng *we* và *our*, thì diễn ngôn Ấn Độ

thiên về phân định các chủ thể bằng đại từ ngôi thứ ba gắn với danh ngữ nhóm, làm hiện rõ bất bình đẳng cấu trúc và lập luận rằng nghĩa vụ nên được phân bổ theo phát thải lịch sử và trình độ phát triển (Thaker & Leiserowitz, 2014).

### 4.4. Diễn biến qua COP20-COP28

Bảng 3 trình bày tần suất đại từ theo từng kỳ COP. Các khuôn mẫu nêu trên duy trì khá ổn định qua chín kỳ COP. Tuy nhiên, do mỗi nước chỉ có chín điểm thời gian, các nhận định về xu hướng theo trục thời gian (diachronic) chỉ nên xem là gợi ý cần kiểm chứng bằng ngữ liệu rộng hơn. Dữ liệu gợi ý rằng tỷ lệ *our* có chiều hướng giảm ở cả hai nước tại COP28 (còn 18,8% với Hoa Kỳ và 16,9% với Ấn Độ), trong khi tỷ lệ đại từ ngôi thứ nhất *I* đạt mức cao nhất trong ngữ liệu (20,0% với Hoa Kỳ và 19,3% với Ấn Độ). Sự dịch chuyển sang cách diễn đạt mang tính cá nhân hơn này có thể liên quan tới việc các kỳ hội nghị về sau nhấn mạnh cam kết quốc gia, song cần thận trọng và không nên khái quát quá mức từ một vài quan sát.

Bảng 3. Tần suất xuất hiện đại từ trong các bài phát biểu theo từng kỳ họp (COP20-COP28)

COP	Nước	We	%	Our	%	I	%	Us	%	They	%	Their	%	Them	%	Tổng
COP20	Mỹ	32	40,5	18	22,8	14	17,7	7	8,9	4	5,1	3	3,8	1	1,3	79
	Ấn Độ	27	36,5	15	20,3	11	14,9	5	6,8	6	8,1	7	9,5	3	4,1	74
COP21	Mỹ	36	39,6	21	23,1	15	16,5	9	9,9	5	5,5	4	4,4	1	1,1	91
	Ấn Độ	26	36,6	14	19,7	12	16,9	6	8,5	5	7,0	6	8,5	2	2,8	71
COP22	Mỹ	41	39,0	24	22,9	18	17,1	10	9,5	6	5,7	5	4,8	1	1,0	105
	Ấn Độ	28	35,4	16	20,3	13	16,5	7	8,9	6	7,6	7	8,9	2	2,5	79
COP23	Mỹ	33	39,3	19	22,6	14	16,7	8	9,5	5	6,0	4	4,8	1	1,2	84
	Ấn Độ	27	36,5	15	20,3	12	16,2	6	8,1	6	8,1	6	8,1	2	2,7	74
COP24	Mỹ	35	39,3	21	23,6	16	18,0	7	7,9	5	5,6	4	4,5	1	1,1	89
	Ấn Độ	29	36,7	16	20,3	13	16,5	6	7,6	6	7,6	7	8,9	2	2,5	79

COP	Nước	We	%	Our	%	I	%	Us	%	They	%	Their	%	Them	%	Tổng
COP25	Mỹ	34	40,5	20	23,8	15	17,9	7	8,3	4	4,8	3	3,6	1	1,2	84
	Ấn Độ	30	36,6	17	20,7	14	17,1	6	7,3	6	7,3	7	8,5	2	2,4	82
COP26	Mỹ	42	38,5	26	23,9	19	17,4	9	8,3	6	5,5	5	4,6	2	1,8	109
	Ấn Độ	37	35,9	22	21,4	18	17,5	8	7,8	7	6,8	8	7,8	3	2,9	103
COP27	Mỹ	38	40,0	21	22,1	18	18,9	8	8,4	5	5,3	4	4,2	1	1,1	95
	Ấn Độ	34	36,2	19	20,2	17	18,1	7	7,4	7	7,4	8	8,5	2	2,1	94
COP28	Mỹ	35	41,2	16	18,8	17	20,0	8	9,4	6	7,1	3	3,5	0	0,0	85
	Ấn Độ	32	38,6	14	16,9	16	19,3	6	7,2	7	8,4	6	7,2	2	2,4	83

## V. Kết luận

Phân tích phân bố đại từ trong 18 bài phát biểu tại UNFCCC cho thấy đại từ nhân xưng là nơi kiến tạo ý thức hệ trong ngoại giao khí hậu. Cả Hoa Kỳ và Ấn Độ đều dựa vào đại từ *we* để trình bày khí hậu như một vấn đề chung, nhưng tổ chức hệ thống đại từ xung quanh theo hai hướng khác nhau. Diễn ngôn Hoa Kỳ, với mật độ cao của *we* và *our*, thiên về diễn ngôn sở hữu chung và làm giảm mức độ hiển hiện của trách nhiệm lịch sử. Diễn ngôn Ấn Độ, với việc dùng nhiều dạng ngôi thứ ba gắn với danh ngữ quốc gia, làm nổi sự phân hóa, công bằng và việc phân bổ trách nhiệm không cân bằng.

Nghiên cứu cho thấy giá trị của việc kết hợp CDA với SFG: riêng tần suất sẽ không bộc lộ ý thức hệ, còn riêng phân tích định tính sẽ khó chứng minh tính hệ thống của các khuôn mẫu. Tuy vậy, bài viết có một số hạn chế. Thứ nhất, ngữ liệu còn nhỏ và chỉ giới hạn ở bài tiếng Anh, nên khả năng khái quát còn giới hạn. Thứ hai, tỷ lệ được tính trên tổng số đại từ; việc bổ sung tần suất chuẩn hóa trên 1.000 từ sẽ giúp kiểm soát ảnh hưởng của độ dài văn bản. Thứ ba, việc phân loại bao gộp và loại

trừ của *we* mới dừng ở mức định tính và cần được mã hóa hệ thống, kèm kiểm tra liên mã hóa (inter-coder reliability), trong các nghiên cứu tiếp theo. Hướng nghiên cứu về sau có thể mở rộng sang các nước phát triển và đang phát triển khác, tính tới ngôn ngữ mẹ đẻ của người nói, và kết hợp phân tích đại từ với tình thái (modality) và hệ chuyển tác (transitivity) để dựng bức tranh đầy đủ hơn về cách ngữ pháp tham gia kiến tạo quyền lực trong đàm phán khí hậu quốc tế.

## Tài liệu tham khảo

- Bayram, F. (2010). Ideology and political discourse: A critical discourse analysis of Erdogan's political speech. *ARECLS*, 7, 23-40.
- Bello, U. (2013). "If I could make it, you too can make it!" Personal pronouns in political discourse: A CDA of President Jonathan's presidential declaration speech. *International Journal of English Linguistics*, 3(6), 84-96.
- Carvalho, A. (2007). Ideological cultures and media discourses on scientific knowledge: Re-reading news on climate change. *Public Understanding of Science*, 16(2), 223-243. <https://doi.org/10.1177/0963662506066775>.
- Fairclough, N. (1989). *Language and power*. Longman.

- Fairclough, N. (1995). *Critical discourse analysis: The critical study of language*. Longman.
- Fairclough, N. (2012). Critical discourse analysis. In J. P. Gee & M. Handford (Eds.), *The Routledge handbook of discourse analysis* (pp. 9-20). Routledge.
- Halliday, M. A. K. (1978). *Language as social semiotic: The social interpretation of language and meaning*. Edward Arnold.
- Halliday, M. A. K., & Matthiessen, C. M. I. M. (2014). *An introduction to functional grammar* (4th ed.). Routledge.
- Pennycook, A. (1994). The politics of pronouns. *ELT Journal*, 48(2), 173-178. <https://doi.org/10.1093/elt/48.2.173>.
- Thaker, J., & Leiserowitz, A. (2014). Shifting discourses of climate change in India. *Climatic Change*, 123(2), 107-119. <https://doi.org/10.1007/s10584-014-1059-6>
- United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC). (2014-2023). National statements delivered at the Conferences of the Parties (COP20-COP28) [Văn bản phát biểu cấp cao]. <https://unfccc.int>.
- Van Dijk, T. A. (1991). *Racism and the press*. Routledge.
- Van Dijk, T. A. (2006). Politics, ideology, and discourse. In K. Brown (Ed.), *Encyclopedia of language & linguistics* (2nd ed., pp. 728-740). Elsevier.
- Wilson, J. (1990). *Politically speaking: The pragmatic analysis of political language*. Blackwell.
- Wodak, R. (1995). Critical linguistics and critical discourse analysis. In J. Verschueren, J.-O. Östman, & J. Blommaert (Eds.), *Handbook of pragmatics* (pp. 204-210). John Benjamins.

## A CONTRASTIVE ANALYSIS OF PRONOUNS IN THE SPEECHES OF THE UNITED STATES AND INDIA AT THE UNITED NATIONS CLIMATE CHANGE CONFERENCE OF THE PARTIES

Do Thi Phong Lan<sup>1</sup>

**Abstract:** *This article examines the role of personal pronouns as a linguistic resource for constructing ideological meanings in climate change discourse. The dataset consists of 18 speeches delivered by representatives of the United States and India at the Conference of the Parties (COP) under the United Nations Framework Convention on Climate Change (UNFCCC), covering nine COP sessions from COP20 to COP28 (2014-2023). The study combines Fairclough's three-dimensional model of Critical Discourse Analysis (CDA) with Halliday's Systemic Functional Grammar (SFG). Pronouns were manually identified according to their contexts of use, examined for their inclusive or exclusive functions, and then compared through qualitative analysis. The findings show that both countries use the pronoun we with the highest frequency, thereby framing climate change as a shared issue. However, the organization of the pronoun system around we differs between the two discourses. U.S. discourse shows a higher proportion of our, suggesting a discourse of shared ownership of climate problems and solutions. Indian discourse employs more third-person pronouns (they, their, them), often used with noun phrases that refer to groups of countries, thereby highlighting the division between developed and developing countries as well as the principle of equity. The findings support the view that pronoun choice is a linguistic mechanism involved in reproducing different ideologies of climate responsibility.*

**Keywords:** *pronouns, climate change discourse, Critical Discourse Analysis, Systemic Functional Grammar, ideology, power relations*

---

<sup>1</sup> Hanoi Open University, Hanoi, Vietnam